

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

BẢN ÁN 57/2017/HNGĐ-PT NGÀY 14/12/2017 VỀ CHIA TÀI SẢN SAU LY HÔN

Trong các ngày 17 tháng 11 năm 2017 và ngày 14 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 55/2017/TLPT-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2017 về việc “*Chia tài sản sau ly hôn*”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: [66/2017/HNGĐ-ST](#) ngày 27 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện N bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 236/2017/QĐ-PT ngày 03 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Đào Thu Gi, sinh năm: 1970

- *Bị đơn*: Ông Lương Thế L, sinh năm: 1965

Cùng địa chỉ: Ấp S, xã V, huyện Ng, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Nguyễn Sơn H, sinh năm: 1956

2. Bà Đào Mỹ D, sinh năm: 1956

3. Anh Nguyễn Rạng Đ, sinh năm: 1981

4. Anh Nguyễn Đông S, sinh năm: 1989

Cùng địa chỉ: Ấp R, xã Đ, huyện Ng, tỉnh Cà Mau.

5. Chị Lương Thị Tâm Nh, sinh năm: 2001

Địa chỉ: Ấp S, xã V, huyện Ng, tỉnh Cà Mau.

6. Anh Lương Thế H, sinh năm: 1992

Địa chỉ: Đ, D, tỉnh Bình Dương.

7. Bà Huỳnh Ngọc V, sinh năm: 1972

Địa chỉ: Khóm X, Phường Y, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

8. Bà Đào Thị B, sinh năm: 1968

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện Ph, tỉnh Cà Mau.

9. Bà Trương Thanh Th, sinh năm: 1968

Địa chỉ: Ấp L, xã Ph, huyện Ph, tỉnh Cà Mau.

10. Ban quản lý rừng phòng hộ Đ

Địa chỉ: Ấp X, xã V, huyện Ng, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Ông Lương Thế L – Bị đơn.

Bà Gi, ông L, ông H, bà V, bà B có mặt, những người tham gia tố tụng khác vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Bà Đào Thu Gi trình bày: Bà và ông Lương Thế L được Tòa án nhân dân huyện Ng, tỉnh Cà Mau, giải quyết cho ly hôn theo Quyết định số: 57/2016/QĐST–HNGĐ ngày 17/10/2016, khi ly hôn bà chưa yêu cầu chia tài sản, nay bà yêu cầu chia tài sản chung của bà và ông L, các phần tài sản chung cụ thể là các phần đất rừng - tôm nhận khoán của Ban quản lý rừng phòng hộ Đ như sau:

- Phần đất nuôi trồng thủy sản 4,8ha, tọa lạc tại ấp S, xã V, huyện Ng, tỉnh Cà Mau. Trị giá 500.000.000 đồng;

- Phần đất nuôi trồng thủy sản có diện tích là 4,7ha, tọa lạc tại ấp R, xã Đ, huyện Ng, tỉnh Cà Mau. Phần đất này vào năm 2000 bà và ông L sang nhượng thành quả lao động cho ông Nguyễn Sơn H $\frac{1}{2}$ diện tích với giá là 80 chỉ vàng 24k, ông H đã thanh toán còn nợ lại 09 chỉ vàng 24k. Phần đất còn lại $\frac{1}{2}$ diện tích bà và ông L cho ông H thuê. Giá trị $\frac{1}{2}$ diện tích đất còn lại là 200.000.000 đồng.

Hai phần đất trên có giá trị chung bằng 700.000.000 đồng bà yêu cầu được chia theo quy định của pháp luật.

Riêng 09 chỉ vàng 24k ông H còn nợ, bà yêu cầu ông H có nghĩa vụ thanh toán cho bà.

Ngoài ra, bà còn xác định vào ngày 15/4/2009, do sang ruộng không đủ tiền nên hỏi vay 40 chỉ vàng 24k của bà Trương Thanh Th . Hiện nay bà đã thanh toán cho bà Th được 87.000.000 đồng từ nguồn tiền chuyển nhượng đất do bà Th thanh toán tại cơ quan thi hành án, phần còn lại bà nhận sẽ tiếp tục thanh toán cho bà Th khi nhận đủ tiền của bà Th tại thi hành án huyện Ng .

Ông Lương Thế L trình bày: Ông thừa nhận bà Gi trình bày số lượng tài sản chung là đúng. Theo yêu cầu chia tài sản của bà Gi, ông xác định vụ việc như sau:

- Phần đất có diện tích 4,8ha, tại ấp S, xã V do vợ chồng nhận khoán của Ban quản lý rừng phòng hộ Đ hiện ông quản lý, bà Gi định giá thành quả lao động khoảng 500.000.000 đồng là phù hợp nhưng ông không đồng ý chia theo yêu cầu của bà Gi, do trước đây bà Gi lấy phần đất chung do vợ chồng nhận khoán có diện tích 5,8ha chuyển nhượng cho bà Đinh Thị Th với giá 580.000.000 đồng, bà Th thanh toán cho bà Gi 440.000.000 đồng, còn lại 140.000.000 đồng chưa trả. Vụ việc đã được Tòa án tỉnh Cà Mau giải quyết bà Th phải trả cho bà Gi 140.000.000 đồng còn lại. Toàn bộ số tiền sang phần đất trên bà Gi thu, chi xài riêng hết 440.000.000 đồng, còn lại 140.000.000 đồng hiện nay bà Th chưa giao.

- Phần đất nuôi trồng thủy sản có diện tích 4,7ha ở ấp R, xã Đ, ông xác định vào năm 2000 ông và bà Gi đã sang nhượng thành quả lao động hết $\frac{1}{2}$ diện tích đất cho ông H với giá 80 chỉ vàng 24k, ông H đã trả 71 chỉ vàng 24k còn lại 09 chỉ vàng 24k. Phần $\frac{1}{2}$ diện tích đất còn lại ông H thuê. Đến năm 2013, ông tiếp tục sang nhượng phần còn lại cho ông H với giá là 150.000.000 đồng, bà Gi không tham gia trong vụ mua bán này. Số tiền sang nhượng ông giao cho bà Gi 50.000.000 đồng trả tiền vay Ngân hàng để lấy sổ hợp đồng vay trước kia, còn lại 100.000.000 đồng ông trả nợ vốn và lãi ngân hàng 50.000.000 đồng, 50.000.000 đồng còn lại chi cải tạo đất, trả tiền đầu tư trên đất, hiện nay sổ hợp đồng bà Gi đang giữ. Do vậy ông không đồng ý chia $\frac{1}{2}$ giá trị cho bà Gi. Ông thống nhất $\frac{1}{2}$ diện tích đất này hiện có giá trị là 200.000.000 đồng.

Ngoài ra, ông yêu cầu bà Gi giao lại sổ hợp đồng để làm thủ tục chuyển tên cho ông H, khi nào làm xong giấy tờ chuyển tên sổ hợp đồng cho ông H ông sẽ yêu cầu ông H trả lại 09 chỉ vàng 24k mà ông H còn thiếu.

Đối với hai khoản nợ bà B, bà V do bà Gi trình bày ông không biết, không liên quan và không có trách nhiệm thanh toán theo yêu cầu của hai người này.

Ông Nguyễn Sơn H, bà Đào Mỹ D, ông Nguyễn Rạng Đ, ông Nguyễn Đông S thống nhất trình bày:

Năm 1998 ông L, bà Gi sang thành quả lao động cho ông H, bà Dung, ông Đ, ông S $\frac{1}{2}$ diện tích đất nuôi trồng thủy sản (2,35ha) trong tổng diện tích 4,7ha, tọa lạc tại ấp R, xã Đ, huyện Ng, tỉnh Cà Mau, giá sang nhượng là 80 chỉ vàng 24k. Bà D là người đại diện đã thanh toán cho bà Gi, ông L 60 chỉ vàng 24k, còn nợ lại 20 chỉ vàng 24k. Đến ngày 22/11/2013, ông L, bà Gi tiếp tục sang thành quả lao động $\frac{1}{2}$ diện tích đất còn lại cho ông H, bà Dung, ông Đ, ông S với giá 150.000.000 đồng, ông L, bà Gi nhận thanh toán 50.000.000 đồng tiền mặt, đến cuối năm 2014 ông H, bà Dung, ông Đ, ông S tiếp tục giao cho bà Gi 24.000.000 đồng để đóng lãi ngân hàng. Đến ngày 12/8/2016, ông H, bà Dung, ông Đ, ông S giao 108.000.000 đồng cho ông L trong đó 100.000.000 đồng là tiền vốn và 8.000.000 đồng để đóng lãi tháng 8 năm 2016. Các đương sự cho rằng kể từ ngày 12/8/2016 đã trả dứt nợ bằng tiền mặt cho ông L và bà Gi.

Riêng 20 chỉ vàng 24k còn thiếu lúc sang $\frac{1}{2}$ diện tích đất ban đầu, đã trả được 11 chỉ vàng 24k cho ông L và bà Gi. Hiện nay còn thiếu lại 09 chỉ vàng 24k, số vàng này khi nào bà Gi giao sổ hợp đồng giao khoán cho để làm thủ tục chuyển tên sổ hợp đồng thì các đương sự sẽ thanh toán đủ cho bà Gi và ông L.

Bà Huỳnh Ngọc V trình bày: Năm 2013, ông L và bà Gi do khó khăn nên có mượn bà 01 chứng hui 40.000.000 đồng, bà tự đóng hui, đến nay ông L và bà Gi chưa trả lại cho bà nên bà yêu cầu ông L và bà Gi có nghĩa vụ thanh toán lại số tiền trên cho bà.

Bà Đào Thị B trình bày: Ngày 30/3/2015, bà Gi và ông L đi làm ăn ở Bình Dương có nhờ bà đóng hui và mượn số tiền 30.000.000 đồng để chi phí học hành cho con ông L và bà Gi, cộng các khoản bằng 84.880.000 đồng, đến nay chưa thanh toán. Nay bà Bé yêu cầu ông L và bà Gi trả lại cho bà số tiền trên.

Bà Trương Thanh Th trình bày: Ngày 15/4/2009, bà Gi có nhờ bà Th hui dùm 40 chỉ vàng 24k. Đến ngày 25/02/2017 bà Gi trả được 87.000.000 đồng, số còn lại bà Gi hứa khi nào nhận được tiền thi hành án thì bà Gi sẽ trả. Do vậy bà Th không yêu cầu khi nào bà Gi không thực hiện thì bà Th sẽ yêu cầu sau.

Anh Lương Thế H trình bày: Tài sản tranh chấp là của cha mẹ anh, do cha anh là ông L không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu, không quan tâm phát triển kinh tế gia đình. Nếu được chấp nhận yêu cầu Toà chia tài sản trên cho các thành viên trong gia đình 04 người hoặc chia theo công sức đóng góp.

Chị Lương Thị Tâm Nh trình bày: Từ năm 2001 đến năm 2010 chị còn nhỏ sống với cha mẹ, từ năm 2010 đến năm 2016 chị học cấp II, tất cả chi phí đều do mẹ chị lo. Nay nếu cha mẹ ly hôn, phân chia tài sản cho con thì tùy vào cha mẹ chị định đoạt.

Đại diện Ban quản lý rừng phòng hộ Đ trình bày: Thửa đất số 1031, khoảnh 44, tiểu khu 080, tại Kinh C, ấp S, xã V, huyện N là đất được Ban quản lý rừng giao khoán do ông L đứng tên, tổng diện tích là 4,8ha, hiện nay ông L đang canh tác.

Đối với thửa đất số 1945, khoảnh 89, tiểu khu 085, tại ấp R, xã Đ, huyện N cũng do ông L đứng tên. Thửa đất này đã chuyển nhượng toàn bộ thành quả lao động cho ông Nguyễn Sơn H. Hồ sơ đã trình Ban quản lý rừng phòng hộ Đ toàn bộ hồ sơ gồm: Đơn chuyển nhượng thành quả lao động, đơn xin trả đất của ông Lương Thế L, đơn xin nhận giao đất của ông Nguyễn Sơn H. Ban quản lý rừng phòng hộ Đ có ý kiến như sau:

Thửa đất số 1031, khoảnh 44, tiểu khu 080, là đất lâm nghiệp, đơn vị hợp đồng giao khoán cho hộ dân quản lý nên Ban quản lý không thống nhất cho chia cắt.

Thửa đất số 1945, khoảnh 89, tiểu khu 085 đang có tranh chấp và chủ hộ chưa cung cấp đủ hồ sơ liên quan. Do đó Ban quản lý không làm thủ tục chuyển tên cho ông H.

Tại đơn xin vắng mặt ngày 20/6/2017, Ban quản lý rừng phòng hộ Đ xin xét xử vắng mặt, ngoài ra còn xác định: Phần đất mà bà Gi và ông L chuyển nhượng cho ông H không thông qua Ban quản lý nên đơn vị không nắm được, hiện nay ông L, bà Gi chưa ra Ban quản lý làm thủ tục chuyển đổi tên hợp đồng giao khoán đất rừng. Đồng thời giữa bà Gi và ông L tranh chấp đòi chia tài sản không có đơn yêu cầu gửi Ban quản lý nên đơn vị không biết.

Từ nội dung trên, bản án sơ thẩm số: 66/2017/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện N quyết định:

Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của bà Đào Thu Gi đối với ông Lương Thế L. Buộc ông Lương Thế L có nghĩa vụ giao lại cho bà Đào Thu Gi $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là: 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng). Ông Lương Thế L được sở hữu phần đất có diện tích 4,8 ha, thuộc thửa đất số 1031, khoảnh 44, tiểu khu 080, tại Kinh C, ấp S, xã V, huyện Ng Vị trí đất:

+ Phía đông giáp: Thửa số 1027.

+ Phía Tây giáp: Kinh C.

+ Phía Nam giáp: Thửa số 1032.

+ Phía Bắc giáp: Thửa số 1030. (có sơ đồ vị trí đất kèm theo).

- Về nợ trả: Bà Đào Thu Gi có nghĩa vụ thanh cho bà Huỳnh Ngọc V số tiền nợ là: 20.000.000 đồng; thanh toán cho bà Đào Thị B số tiền nợ là: 42.440.000 đồng.

Ông Lương Thế L có nghĩa vụ thanh cho bà Huỳnh Ngọc V số tiền nợ là: 20.000.000 đồng; thanh toán cho bà Đào Thị B số tiền nợ là: 42.440.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm thi hành án, thông báo quyền kháng cáo cho đương sự biết theo luật định.

Ngày 17/8/2017 ông Lương Thế L kháng cáo với nội dung không đồng ý chia tài sản của theo yêu cầu của bà Gi như án sơ thẩm xử. Yêu cầu bác đơn khởi kiện của bà Gi .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Tại phiên toà phúc thẩm ông L vẫn bảo lưu yêu cầu kháng cáo. Căn cứ kháng cáo, ông L xác định trước đây vợ chồng có ba phần đất chung nhận khoán của Ban quản lý rừng phòng hộ Đ, nhưng bà Gi đã tự ý chuyển nhượng thành quả lao động một phần có diện tích 5,8ha cho bà Th lấy tiền chi xài riêng, hiện tại còn hai phần, trong đó một phần đất có diện tích 4,7ha ở ấp R, năm 2000 ông và bà Gi đã sang nhượng $\frac{1}{2}$ diện tích đất cho ông H với giá 80 chỉ vàng 24k, ông H đã thanh toán 71 chỉ vàng 24k còn lại 09 chỉ vàng 24k. Phần $\frac{1}{2}$ diện tích đất còn lại đến năm 2013, ông tiếp tục nhượng phần còn lại cho ông H với giá là 150.000.000 đồng, phần sang nhượng này bà Gi không tham gia nhưng tiền thu được ông đưa cho bà Gi 50.000.000 đồng trả nợ Ngân hàng để lấy sổ hợp đồng vay trước đó, còn lại 100.000.000 đồng ông dùng trả nợ khoản vay khác của ngân hàng 50.000.000 đồng và chi vào việc cải tạo đất, trả tiền đầu tư trên đất đã hết nên không còn để chia $\frac{1}{2}$ giá trị theo yêu cầu của bà Gi .

Phần đất còn lại là tài sản duy nhất còn để ông ở, sinh sống và sau này cho con nên không đồng ý chia theo yêu cầu của bà Gi .

[2] Hội đồng xét xử thấy rằng: Đối với thửa đất số 1945, khoảnh 89, tiểu khu 085, có diện tích 4,7 ha, tại ấp R, xã Đ . Phần đất này ông L thừa nhận là tài sản chung, vợ chồng nhận khoán trong thời kỳ hôn nhân, năm 2000 ông và bà Gi cùng thống nhất chuyển nhượng cho ông H $\frac{1}{2}$ diện tích (2,35 ha), hiện ông H còn nợ 09 chỉ vàng 24k chưa thanh toán. Phần $\frac{1}{2}$ diện tích còn lại ông L thừa nhận với bà Gi tại toà giá trị bằng 200.000.000 đồng, ông L tự ý chuyển nhượng cho ông H, tiền chuyển nhượng ông L xác định giao cho bà Gi một phần nhưng bà Gi không thừa nhận, ông L không chứng minh được. Dựa vào các căn cứ này, án sơ thẩm buộc ông L chia $\frac{1}{2}$ giá trị chuyển nhượng thành quả lao động cho bà Gi với số tiền bằng 100.000.000 đồng là có căn cứ.

[3] Đối với phần đất có diện tích 4,8 ha, thuộc thửa đất số 1031, khoảnh 44, tiểu khu 080, tại Kinh C, ấp S, xã V . Bà Gi, ông L thống nhất vợ chồng nhận khoán của Lâm ngư trường rừng phòng hộ Đ trong thời kỳ hôn nhân, giá trị hiện tại bằng 500.000.000 đồng. Ông L không thống nhất chia theo yêu cầu của bà Gi, do trước đó bà Gi đã chuyển nhượng thành quả lao động một phần đất của chung vợ chồng bằng 5,8ha cho bà Th lấy tiền chi xài riêng. Đối với phần đất 5,8 ha chuyển nhượng cho bà Thuý, việc chuyển nhượng này phát sinh tranh chấp, Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau xử lý, đã có hiệu lực pháp luật. Theo Bản án xử lý vụ án trên thể hiện ông L có tham gia việc mua bán này, nên không thể nói một mình bà Gi tự ý bán, giá trị mua bán phần tài sản này hiện còn 140.000.000 đồng bà Th chưa thanh toán, sau này nếu được thanh toán bà Gi, ông L tự thoả thuận xử lý, nếu không thoả thuận được có thể khởi kiện thành vụ kiện khác.

Nên án sơ thẩm buộc ông L chia $\frac{1}{2}$ giá trị phần đất có diện tích 4,8 ha hiện ông L đang quản lý cho bà Gi. Phần tài sản này bà Gi, ông L thống nhất giá trị

500.000.000 đồng. Do phần đất 4,8ha nêu trên hiện trên cơ quan chủ quản không thống nhất chia cắt, thực tế bà Gi hiện đi lao động nơi khác nên giao đất cho ông L đang quản lý, ông L hoàn lại cho bà Gi $\frac{1}{2}$ giá trị là 250.000.000 đồng là phù hợp.

[4] Đối với khoản tiền do bà Huỳnh Ngọc V yêu cầu ông L, bà Gi thanh toán bằng 40.000.000 đồng, bà Đào Thị B có yêu cầu ông L bà Gi thanh toán 84.880.000 đồng. Yêu cầu độc lập của bà V, bà B phía bà Gi thừa nhận và thống nhất chia hai để thanh toán cùng ông L. Ông L không có ý kiến phản hồi bằng văn bản để thể hiện quan điểm của mình, xem như mặc nhiên ông L thừa nhận hai khoản nợ của bà Vàng và bà Bé đã yêu cầu trên. Nên buộc bà Gi, ông L thanh toán nợ cho bà V, bà B là có căn cứ.

Tại vụ kiện này còn có hai phần tài sản chuyển nhượng thành quả lao động chung là 140.000.000 đồng bà Th chưa thanh toán tại cơ quan thi hành án; 09 chỉ vàng 24k ông H, bà Dung, ông Đ, ông S chưa thanh toán cho ông L, bà Gi mà án sơ thẩm chưa xử lý, các đương sự cũng không kháng cáo và phần nợ bà Th chưa yêu cầu. Cấp phúc thẩm không xét các quan hệ này, sau này các bên có thể tự thỏa thuận xử lý nếu không thỏa thuận được có thể yêu cầu xử lý theo quy định chung.

[5] Về án phí: Do không chấp nhận kháng cáo nên ông L phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của [Bộ luật Tố tụng dân sự](#); [Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH](#) ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lương Thế L.

Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình số: 66/2017/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Ng, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của bà Đào Thu Gi đối với ông Lương Thế L.

Buộc ông Lương Thế L giao lại cho bà Đào Thu Gi $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân với số tiền bằng 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng).

Ông Lương Thế L được tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 4,8 ha, thuộc thửa đất số 1031, khoảnh 44, tiểu khu 080, tại Kinh C, ấp S, xã V, huyện N theo thỏa thuận nhận khoán với Ban quản lý rừng phòng hộ Đ.

Vị trí đất:

+ Phía Đông giáp: Thửa số 1027.

+ Phía Tây giáp: Kinh C .

+ Phía Nam giáp: Thửa số 1032.

+ Phía Bắc giáp: Thửa số 1030. (có sơ đồ vị trí đất kèm theo)

Nghĩa vụ thanh toán nợ:

- Buộc bà Đào Thu Gi thanh toán cho bà Huỳnh Ngọc V 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) và thanh toán cho bà Đào Thị B 42.440.000 đồng (Bốn mươi hai triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn đồng).

- Ông Lương Thế L thanh toán bà Huỳnh Ngọc V 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) và thanh toán cho bà Đào Thị B 42.440.000 đồng. (Bốn mươi hai triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 [Bộ luật Dân sự năm 2015](#).

Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản có giá ngạch: Bà Đào Thu Gi phải chịu 17.500.000 đồng. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch về việc thanh toán nợ bà Đào Thu Gi phải nộp là: 3.122.000 đồng. Phần dự nộp của bà Đào Thu Gi theo biên lai thu tiền số 0013322 ngày 25/11/2016 với số tiền là 4.375.000 được đối trừ, bà Đào Thu Gi phải nộp tiếp bằng 16.247.000 đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản có giá ngạch: Ông Lương Thế L phải chịu 17.500.000 đồng (chưa nộp). Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch về việc thanh toán nợ ông Lương Thế L phải nộp là: 3.122.000 đồng (chưa nộp).

- Án phí phúc thẩm: Ông Lương Thế L phải chịu 300.000 đồng, đã dự nộp 300.000 đồng lai thu số 0013817 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N được chuyển thu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.